SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 422/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M6)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Số 21A Phan Ngọc Hiển, khóm 3, phường 5, TP Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 05/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 05/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	**3,0 TCU**
02	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	**0,35 mg/l**
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 300 mg/l	**82 mg/l**
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 2 NTU	**0,66 NTU**
05	Hàm lượng sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6202-1996	≤ 250 mg/l	**8,4 mg/l**
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	**7,6**
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	**56,8 mg/l**
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+} + Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,08 mg/l**
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	**0,16 mg/l**
10	Hàm lượng amoni (tính theo NH_4^+)	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	**0,82 mg/l**
11	Hàm lượng mangan (Mn^{2+})	SMEWW 3500-Mn B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,14 mg/l**
12	Hàm lượng nitrite (NO_2^-)	TCVN 6178-1996	≤ 3 mg/l	**0,04 mg/l**
13	Hàm lượng nitrate (NO_3^-)	TCVN 6180-1996	≤ 50 mg/l	**0,3 mg/l**
14	Hàm lượng nhôm (Al^{3+})	SMEWW 3500-Al B:2005	≤ 0,2 mg/l	**0 mg/l**
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) sấy ở 105°C	Phụ lục A của TCVN 6053:1995	≤ 1000 mg/l	**68 mg/l**
16	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	**1,2 mg/l**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành kết quả..

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 435/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M29)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Đường 30/4, khóm 2, TT U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 12/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 12/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	4,4 TCU
02	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 350 mg/l	108 mg/l
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 5 NTU	0,84 NTU
05	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 4 mg/l	1,4 mg/l
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	7,8
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	63,9 mg/l
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,5 mg/l	0,06 mg/l
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	0,74 mg/l
10	Hàm lượng amoni, tính theo NH_4^+	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	0,78 mg/l
11	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	0,36 mg/l
12	Hàm lượng As^{3+}	Arsen-Test Merck	≤ 0,01 mg/l	0 mg/l

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	≤ 50 MPN/100 ml	15 MPN/100 ml
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml

* <u>Nhận xét</u>:

* <u>Xét nghiệm lý hóa</u>: **Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* <u>Xét nghiệm vi sinh</u>: **Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày, kể từ khi ban hành kết quả.

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 438/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M13)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Số 72 Đ.1/5, khóm 1, TT Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 13/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 13/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	4,2 TCU
02	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 350 mg/l	120 mg/l
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 5 NTU	0,45 NTU
05	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 4 mg/l	0,2 mg/l
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	7,7
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	234,3 mg/l
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,5 mg/l	0,18 mg/l
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	0,22 mg/l
10	Hàm lượng amoni, tính theo NH_4^+	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	0,78 mg/l
11	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	0,39 mg/l
12	Hàm lượng As^{3+}	Arsen-Test Merck	≤ 0,01 mg/l	0 mg/l

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	≤ 50 MPN/100 ml	9 MPN/100 ml
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày, kể từ khi ban hành kết quả.

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 442/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M15)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Khóm 7, TT Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 13/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 13/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	**1,2 TCU**
02	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	**0,39 mg/l**
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 300 mg/l	**248 mg/l**
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 2 NTU	**0,78 NTU**
05	Hàm lượng sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6202-1996	≤ 250 mg/l	**22,6 mg/l**
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	**7,7**
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	**163,3 mg/l**
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,04 mg/l**
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	**0,78 mg/l**
10	Hàm lượng amoni (tính theo NH_4^+)	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	**0,76 mg/l**
11	Hàm lượng mangan (Mn^{2+})	SMEWW 3500-Mn B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,08 mg/l**
12	Hàm lượng nitrite (NO_2^-)	TCVN 6178-1996	≤ 3 mg/l	**0,06 mg/l**
13	Hàm lượng nitrate (NO_3^-)	TCVN 6180-1996	≤ 50 mg/l	**0,28 mg/l**
14	Hàm lượng nhôm (Al^{3+})	SMEWW 3500-Al B:2005	≤ 0,2 mg/l	**0 mg/l**
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) sấy ở 105°C	Phụ lục A của TCVN 6053:1995	≤ 1000 mg/l	**58 mg/l**
16	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	**0,4 mg/l**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành kết quả..

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 446/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M17)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Trường mầm non TT Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 14/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 14/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	2,2 TCU
02	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 350 mg/l	178 mg/l
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 5 NTU	0,56 NTU
05	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 4 mg/l	0,8 mg/l
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	7,2
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	127,8 mg/l
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,5 mg/l	0,02 mg/l
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	0,35 mg/l
10	Hàm lượng amoni, tính theo NH_4^+	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	0,56 mg/l
11	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	0,35 mg/l
12	Hàm lượng As^{3+}	Arsen-Test Merck	≤ 0,01 mg/l	0 mg/l

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	≤ 50 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml

* Nhận xét:

* Xét nghiệm lý hóa: **Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* Xét nghiệm vi sinh: **Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày, kể từ khi ban hành kết quả.

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 452/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M19)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Khóm 7, TT Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 18/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 18/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	4,4 TCU
02	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 350 mg/l	90 mg/l
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 5 NTU	0,48 NTU
05	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 4 mg/l	0,4 mg/l
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	7,6
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	191,7 mg/l
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,5 mg/l	0,16 mg/l
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	0,28 mg/l
10	Hàm lượng amoni, tính theo NH_4^+	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	0,92 mg/l
11	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	0,31 mg/l
12	Hàm lượng As^{3+}	Arsen-Test Merck	≤ 0,01 mg/l	0 mg/l

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	≤ 50 MPN/100 ml	4 MPN/100 ml
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 02:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày, kể từ khi ban hành kết quả.

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM	**GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
KS. Võ Mạnh Sáng	BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 459/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M23)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Khóm 9, TT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 19/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 19/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	**3,0 TCU**
02	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	**0,32 mg/l**
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 300 mg/l	**122 mg/l**
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 2 NTU	**0,44 NTU**
05	Hàm lượng sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6202-1996	≤ 250 mg/l	**10,8 mg/l**
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	**7,5**
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	**134,9 mg/l**
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,06 mg/l**
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	**0,36 mg/l**
10	Hàm lượng amoni (tính theo NH_4^+)	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	**0,28 mg/l**
11	Hàm lượng mangan (Mn^{2+})	SMEWW 3500-Mn B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,16 mg/l**
12	Hàm lượng nitrite (NO_2^-)	TCVN 6178-1996	≤ 3 mg/l	**0,06 mg/l**
13	Hàm lượng nitrate (NO_3^-)	TCVN 6180-1996	≤ 50 mg/l	**0,14 mg/l**
14	Hàm lượng nhôm (Al^{3+})	SMEWW 3500-Al B:2005	≤ 0,2 mg/l	**0 mg/l**
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) sấy ở 105°C	Phụ lục A của TCVN 6053:1995	≤ 1000 mg/l	**44 mg/l**
16	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	**0,2 mg/l**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành kết quả..

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH CÀ MAU

BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 468/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt (M27)***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Khóm 6, TT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 20/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 20/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	4,0 TCU
02	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 350 mg/l	108 mg/l
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 5 NTU	0,48 NTU
05	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 4 mg/l	0,2 mg/l
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	7,7
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	220,1 mg/l
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,5 mg/l	0,04 mg/l
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	0,12 mg/l
10	Hàm lượng amoni, tính theo NH_4^+	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	0,46 mg/l
11	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	0,39 mg/l
12	Hàm lượng As^{3+}	Arsen-Test Merck	≤ 0,01 mg/l	0 mg/l

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	≤ 50 MPN/100 ml	4 MPN/100 ml
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	0 MPN/100 ml

* Nhận xét:

* Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 02:2009/BYT).

* Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 02:2009/BYT).

* ***Ghi chú***: - *Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- *Thời gian lưu mẫu: 05 ngày, kể từ khi ban hành kết quả.*

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
KS. Võ Mạnh Sáng	BS. Lê Ngọc Định

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU XÉT NGHIỆM

Số: 470/XN/2018

- Tên mẫu : ***Nước sinh hoạt***
- Tên khách hàng : Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau
- Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước TT Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- Người lấy mẫu : Ngô Trần Vĩnh Nghi
- Yêu cầu xét nghiệm : ***Lý hóa và vi sinh***
- Ngày nhận mẫu : 18/09/2018 - Ngày xét nghiệm: 18/09/2018

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM LÝ HÓA

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Màu sắc	TCVN 6185-2015	≤ 15 TCU	**4,0 TCU**
02	Hàm lượng clo dư (Cl_2)	SMEWW 4500-Cl B:2012	0,3 - 0,5 mg/l	**0,49 mg/l**
03	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	TCVN 6224-1996	≤ 300 mg/l	**70 mg/l**
04	Độ đục	TCVN 6184-2008	≤ 2 NTU	**0,94 NTU**
05	Hàm lượng sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6202-1996	≤ 250 mg/l	**11,8 mg/l**
06	pH	TCVN 6492-2011	6,5 – 8,5	**7,6**
07	Hàm lượng clorua (Cl^-)	APHA 4500-Cl^- B:2005	≤ 300 mg/l	**269,8 mg/l**
08	Hàm lượng sắt tổng số (Fe^{2+}+ Fe^{3+})	SMEWW 3500-Fe B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,08 mg/l**
09	Hàm lượng florua (F^-)	TCVN 6195-1996	≤ 1,5 mg/l	**0,52 mg/l**
10	Hàm lượng amoni (tính theo NH_4^+)	TCVN 5988-1995	≤ 3 mg/l	**0,3 mg/l**
11	Hàm lượng mangan (Mn^{2+})	SMEWW 3500-Mn B:2005	≤ 0,3 mg/l	**0,14 mg/l**
12	Hàm lượng nitrite (NO_2^-)	TCVN 6178-1996	≤ 3 mg/l	**0,06 mg/l**
13	Hàm lượng nitrate (NO_3^-)	TCVN 6180-1996	≤ 50 mg/l	**0,02 mg/l**
14	Hàm lượng nhôm (Al^{3+})	SMEWW 3500-Al B:2005	≤ 0,2 mg/l	**0 mg/l**
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) sấy ở 105°C	Phụ lục A của TCVN 6053:1995	≤ 1000 mg/l	**36 mg/l**
16	Chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	**0,4 mg/l**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM VI SINH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả
01	Coliforms tổng số	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**
02	E.coli	TCVN 6187-1,2:1990	0 MPN/100 ml	**0 MPN/100 ml**

* **Nhận xét:**

* **Xét nghiệm lý hóa: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn lý hóa (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* **Xét nghiệm vi sinh: Mẫu nước *đạt* tiêu chuẩn vi sinh (Theo QCVN 01:2009/BYT).**

* ***Ghi chú***: *- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu xét nghiệm.*

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành kết quả..

Cà Mau, ngày 02 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

KS. Võ Mạnh Sáng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG

BS. Lê Ngọc Định